

Bản án số: 59/2018/DS-PT

Ngày: 27/3/2018

V/v Tranh chấp Đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy

Ông Mai Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLPT-DS ngày 04/01/2018 về việc "Yêu cầu trả lại tài sản theo giao dịch dân sự".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34 /2018/QĐ-PT ngày 07/02 /2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 45 ngày 06/3/2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 170/2018/TB-TA ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1954

HKTT: 254B, TK, quận H, Hà Nội.

Trú tại: Số 24 ngõ 2 phố QN, phường LG, quận B, Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1974

HKTT: B11-34A TP, phường ĐB, quận B, Hà Nội.

Địa chỉ: P403, D9 tập thể TT, phường TT, quận A, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1987

Trú tại: Số 24 ngõ 2 phố Quần Ngựa, phường Liễu Giai, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của anh L là ông Trần Xuân B, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 31 phường NT, quận L, thành phố Hà Nội theo Văn bản ủy quyền số 277.2018 ngày 18/01/2018.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lan P: Luật sư Dương Quang H, Văn phòng luật sư X, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.
Do có kháng cáo của chị Nguyễn Thị Lan P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Minh H trình bày: Do biết bà H có nhu cầu về nhà ở, chị Nguyễn Thị Lan P là người quen từ trước nói với bà H về việc có khả năng mua nhà của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và thương mại Hạ Long tại dự án chung cư Megastar 181 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Chị P và bà H có thỏa thuận với nhau nếu bà H đưa cho chị P số tiền 850.000.000 đồng thì chị P sẽ mua cho bà H 03 căn (1/2 sàn tầng 7) với diện tích 310m² tại tòa B chung cư nói trên. Bà H bảo con trai là Nguyễn Hoàng L lấy tiền tiết kiệm của gia đình để chuyển cho chị P số tiền là 850.000.000 đồng. Đến ngày 07/9/2010 thì anh L và chị Nguyễn Thị Hồng M (là cháu ruột của bà H) đã đến nhà của chị P tại địa chỉ số 5, B11, ngõ 34A TP, quận B, Hà Nội giao tiền trực tiếp cho chị P để nhờ chị P đặt cọc mua 03 căn hộ nói trên. Sau khi nhận tiền của anh L, chị P có ký một giấy cam kết với nội dung thể hiện:

- Từ thời điểm ký bản cam kết cho đến khi đủ điều kiện ký hợp đồng mua bán căn hộ vào quý I năm 2010 thì anh Nguyễn Hoàng L không phải nộp thêm bất cứ một khoản tiền nào cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và thương mại Hạ Long.

- Nếu trong trường hợp đến hết quý I năm 2010 mà anh Nguyễn Hoàng L vẫn chưa được ký hợp đồng mua bán căn hộ trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần bất động sản Megastar thì chị Nguyễn Thị Lan P sẽ phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền là 850.000.000 đồng.

- Và vì trong bất cứ trường hợp nào mà anh Nguyễn Hoàng L cần lấy lại tiền không mua 03 căn hộ nói trên thì chị P vẫn trả lại đầy đủ số tiền đã nộp nói trên.

Sau khi nhận tiền của anh L, chị P đã nộp số tiền 230.000.000 đồng vào Công ty Hạ Long lấy tên người nộp tiền là anh L. Ngoài ra chị P không giao cho bà H hay anh L giấy tờ gì về việc đã nộp 620.000.000 đồng vào Công ty Hạ Long để mua nhà tại dự án chung cư tại 181 Nguyễn Huy Tưởng nói trên. Đến năm 2012 việc mua bán căn hộ vẫn chưa thực hiện được và bà H được biết tại địa chỉ 181 Nguyễn Huy Tưởng không có dự án chung cư nào được triển khai xây dựng nên bà H đã yêu cầu chị P và Công ty Hạ Long phải trả lại số tiền 850.000.000 đồng. Chị P đồng ý nhưng do chưa có tiền trả, nên ngày 05/08/2012 chị P đi cùng với một người phụ nữ đến nhà bà H tại địa chỉ số 24 ngõ 2 phố Quân Ngựa, phường Liễu Giai, quận B, Hà Nội và chị P tự viết giấy nhận nợ đề

ngày 05/08/2012 với nội dung thể hiện: “Tôi có vay của chị Nguyễn Minh H tổng số tiền là 620.000.000 đồng và 01 phiếu thu của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và thương mại Hạ Long đứng tên chị Nguyễn Minh H trị giá 230.000.000 đồng. Tôi cam kết sẽ trả chị Hường số tiền 850.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng...”. Đến các thời hạn trả nợ theo giấy vay tiền đề ngày 05/08/2012 chị P vẫn không thanh toán cho bà H. Qua nhiều lần đòi thì ngày 01/11/2012 chị P lại tiếp tục viết 01 giấy cam kết trả nợ để làm tin. Nội dung giấy cam kết trả nợ thể hiện chị P có vay của bà H số tiền là 620.000.000 đồng chị P cam kết trả bà H số tiền này trong vòng 02 tháng cụ thể đến ngày 30/11/2012 trả cho bà H 310.000.000 đồng và đến ngày 31/12/2012 trả nốt số tiền còn lại cho bà H. Nếu quá thời hạn trên mà không trả sẽ phải chịu lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên đến kỳ hạn trả tiền, chị P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả cho bà H số tiền như đã cam kết tại giấy vay tiền và giấy cam kết trả nợ mà chị P đã viết.

Kể từ tháng 01/2013 đến nay bà H đã nhiều lần gọi điện thoại để yêu cầu chị P trả tiền nhưng chị P vẫn không trả cho bà H được khoản gốc và lãi nào.

Đối với số tiền 230.000.000 đồng mà chị P đã thay bà H đóng cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và thương mại Hạ Long tại dự án chung cư Megastar 181 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội do dự án không có thật vì không có dự án chung cư nào ở đây cả nên bà H đã đến công ty và đã lấy lại được số tiền 230.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu chị P phải thanh toán trả bà số tiền 230.000.000 đồng nữa.

Nay bà H yêu cầu chị P phải trả bà H số tiền 620.000.000 đồng theo đúng cam kết mà chị P đã ký vào ngày 07/9/2009.

Anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Anh là con trai của bà Nguyễn Minh H, anh xác nhận lời trình bày của bà H là đúng. Anh khẳng định toàn bộ số tiền 850.000.000 đồng mà anh cùng chị Minh đến giao cho chị P vào ngày 07/9/2009 tại nhà của chị P là tiền anh lấy từ tiền tiết kiệm của gia đình vì thời điểm đó mẹ anh là bà Nguyễn Minh H đang đi công tác nên anh là người mang tiền đến giao cho chị P hộ cho mẹ anh. Để bảo vệ quyền lợi của mẹ con anh, anh đề nghị Tòa án buộc chị P phải hoàn trả lại cho mẹ con anh số tiền là 620.000.000 đồng mà chị P còn thiếu chưa trả theo như Bản cam kết mà chị P đã ký nhận vào ngày 07/09/2009 là ngày mà anh đến giao tiền nhờ chị P mua hộ căn hộ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan P trình bày: Chị P thống nhất với lời khai của bà H về việc đã nhận số tiền 850.000.000 đồng của anh L là con trai bà H để mua giúp căn hộ chung cư tại 181 Nguyễn Huy Tưởng. Do biết anh Nguyễn Mạnh H (sinh năm 1973; ĐKKHTT: số 5/58A HĐT, phường KG, quận T, thành phố Hà Nội) có thể môi giới mua được căn chung cư tại dự án chung cư Megastar 181

Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội nên sau khi nhận số tiền 850.000.000 đồng từ anh L, chị P đã đưa toàn bộ số tiền 850.000.000 đồng nhận của anh L cho anh Nguyễn Mạnh H. Trong đó có 230.000.000 đồng là tiền nộp cho Công ty Hạ Long để góp vốn lần 1, số tiền này Công ty Hạ Long đã nhận và có phiếu thu đứng tên anh L. Đối với số tiền 620.000.000 đồng chị P đã giao cho anh H và có ghi giấy biên nhận. Khi bà H ký được hợp đồng mua bán căn hộ với Công ty Hạ Long thì chị P và anh H đã hủy giấy biên nhận này đi.

Đối với giấy vay tiền ngày 05/8/2012 và giấy cam kết trả nợ ngày 01/11/2012 là do chị P viết tại nhà bà H. Lý do chị P viết giấy vay tiền và giấy cam kết trả nợ nêu trên là do đến năm 2012 việc mua, bán căn hộ chung cư vẫn chưa được giải quyết theo thỏa thuận nên bà H yêu cầu chị P hoàn trả lại bà H số tiền 620.000.000 đồng, nhưng do chị P không đồng ý trả nên bị bà H ép buộc, bà H khóa trái cổng và cửa ra vào tầng 1 không cho chị P về và dùng lời nói xúc phạm yêu cầu chị P phải viết giấy hẹn trả nợ. Khi dọa ép chị P phải viết giấy vay tiền và giấy cam kết trả nợ, bà H và gia đình không chửi bới, đánh đập gì mà chỉ có lời nói xúc phạm đối với chị P. Việc chị P bị bà H ép viết giấy cam kết trả nợ có sự chứng kiến của anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Minh H.

Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu chị P phải trả số tiền 620.000.000 đồng quan điểm của chị P là chị đã giao toàn bộ số tiền 850.000.000 đồng cho anh H, trong đó có số tiền 620.000.000 đồng nên chị không có trách nhiệm phải trả số tiền này.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Quang H trình bày: Tòa án nhân dân quận A thụ lý vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng thực chất trong vụ án này không có việc vay nợ giữa bà H và chị P, còn nếu khởi kiện theo giấy cam kết ngày 07/9/2009 mà bà H làm nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật vì giấy cam kết này là chị Nguyễn Thị Lan P viết cho anh Nguyễn Hoàng L là con chị Hường. Theo đó anh L phải khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác, còn bà Nguyễn Minh H không có tư cách khởi kiện trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện với lý do bà Nguyễn Minh H không có tư cách khởi kiện trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân quận A đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Hoàng L đối với chị Nguyễn Thị Lan P.

- Buộc chị Nguyễn Thị Lan P phải thanh toán cho bà Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Hoàng L số tiền 620.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 01/11/2017, chị Nguyễn Thị Lan P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan P vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P trình bày: Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vi phạm sau của Tòa án cấp sơ thẩm:

- Biên bản phiên tòa sơ thẩm không thể hiện diễn biến phiên tòa của hai ngày xét xử (27/9 và 31/10/2017) là vi phạm Điểm b, c, Khoản 1 Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong Đơn khởi kiện bà H khởi kiện đòi tiền theo Giấy vay tiền ngày 05/8/2012, không đòi tiền theo Bản cam kết ngày 07/9/2009, bản án sơ thẩm tuyên buộc chị P phải trả tiền theo Bản cam kết ngày 07/9/2009 là vi phạm Khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Thời điểm tháng 9/2009 bà H đang ở nước ngoài, không ký giấy tờ gì ở trong nước. Chị P ký cam kết với anh L, không ký cam kết với bà H. Chị P không vay tiền bà H, bản án buộc chị P thực hiện nghĩa vụ là không có căn pháp luật.

- Phiên tòa ngày 27/9/2017 tạm ngừng đến 31/10/2017 tiếp tục xét xử là vi phạm Khoản 2 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tạm ngừng phiên tòa.

Trong đơn khởi kiện của bà H, anh L không tham gia khởi kiện, anh L chỉ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bản án sơ thẩm xác định anh L là nguyên đơn trong vụ kiện là vi phạm Khoản 3 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giấy cam kết ngày 07/9/2009 là chị P viết cho anh Nguyễn Hoàng L là con chị Hường. Theo đó anh L phải khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác, còn bà H không có tư cách khởi kiện trong vụ án này.

Những vi phạm trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Minh H trình bày: Bà là người trực tiếp giao dịch với chị P về việc mua chung cư, do bà đang công tác nước ngoài nên nhờ anh L đến giao tiền cho chị P. Số tiền này là tiền tiết kiệm của gia đình, chủ yếu là tiền của bà, anh L chỉ có một phần rất nhỏ. Anh L nhất trí với việc khởi kiện của bà nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quá trình bà đòi tiền, chị P đã trả cho bà 5.000.000 đồng, nay bà đề nghị Tòa án buộc chị P phải thanh toán cho mẹ con bà số tiền là 615.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Bà H là người giao dịch với chị P về việc mua chung cư, anh L chỉ là người giao tiền

giúp bà H vì thời điểm đó bà H ở nước ngoài. Số tiền 850.000.000 đồng anh L giao cho chị P là tiền tiết kiệm của gia đình, anh L chỉ có một phần nhỏ. Bà H khởi kiện đòi tiền đối với chị P anh L đồng ý chuyển giao quyền yêu cầu cho bà H. Đề nghị Tòa án buộc chị P trả tiền cho mẹ con bà H; anh L không yêu cầu Tòa án tuyên số tiền chị P phải trả cho từng người. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện và buộc chị P phải trả bà H, anh L số tiền 620.000.000 đồng anh L nhất trí, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xác định tư cách đương sự: Anh L không có đơn khởi kiện và không nộp tạm ứng án phí, cấp sơ thẩm xác định anh L là nguyên đơn là không phù hợp với quy định tại Khoản 2, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L là người giao tiền cho chị P, chị P ký Bản cam kết với anh L nên cần sửa án sơ thẩm, xác định anh L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Quan hệ pháp luật: Theo thỏa thuận giữa bà H và chị P, anh L đã giao 850.000.000 đồng cho chị P và theo nội dung cam kết nếu hết quý I năm 2010 anh L chưa ký được hợp đồng với chủ đầu tư thì chị P phải hoàn lại đủ số tiền 850.000.000 đồng. Để bảo vệ quyền về tài sản của mình, bà H kiện đòi chị P trả lại số tiền đã nhận theo cam kết nên cần xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Đòi tài sản. Cần sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật.

Chị P xác định có nhận từ gia đình bà H số tiền 850.000.000 đồng, trong đó 230.000.000 đồng có phiếu thu và 620.000.000 đồng không có phiếu thu và chị P không chứng minh được đã giao cho anh H. Tài liệu có trong hồ sơ không thể hiện có giao dịch giữa bà H và anh H; không có dự án nào được xây dựng tại địa chỉ 181 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm khắc phục được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận thấy:

Về hình thức: Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan P kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng:

Xác định tư cách đương sự: Trong suốt quá trình tố tụng, cấp sơ thẩm xác định anh L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên anh L không

có đơn khởi kiện đối với chị P, không nộp tạm ứng án phí, bản án sơ thẩm xác định anh L là nguyên đơn là không phù hợp với quy định tại Khoản 2, 4 Điều 68 BLTTDS. Anh L là người trực tiếp giao tiền cho chị P và chị P ký Bản cam kết khi nhận tiền từ anh L. Anh L có lời khai số tiền tranh chấp là của hai mẹ con, anh chỉ có một phần nhỏ không đáng kể. Mẹ anh đã khởi kiện chị P để đòi số tiền 620.000.000 đồng anh hoàn toàn nhất trí, tự nguyện chuyển quyền yêu cầu cho mẹ anh. Trong trường hợp này cần xác định anh L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên cần sửa án sơ thẩm xác định lại tư cách đương sự.

Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà H đề nghị Tòa án buộc bị đơn chị P thanh toán số tiền 620.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 05/8/2012.

Quá trình giải quyết vụ kiện bà H yêu cầu chị P phải thanh toán số tiền trên theo thỏa thuận tại Bản cam kết ngày 07/9/2009.

Tại Đơn kháng cáo, bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn bà H không có quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện đã hết. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P, sau khi phân tích các vi phạm về tố tụng và nội dung của bản án sơ thẩm đã đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Nhận thấy, tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị P có nhận của anh L, con trai bà H số tiền 850.000.000 đồng, trong đó có 01 phiếu thu là 230.000.000 đồng, số tiền không có phiếu thu là 620.000.000 đồng để góp vốn đầu tư mua 03 căn hộ, diện tích 310m² tại tòa B, chung cư Megastar 181 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại cơ quan điều tra bà H khai: *“Chị P và bà H có thỏa thuận với nhau nếu bà H đưa cho chị P số tiền 850.000.000 đồng thì chị P sẽ mua cho bà H 03 căn (1/2 sàn tầng 7) với diện tích 310m² tại tòa B chung cư nói trên. Do đang ở nước ngoài nên bà H bảo con trai là Nguyễn Hoàng L lấy tiền tiết kiệm của gia đình để chuyển cho chị P số tiền là 850.000.000 đồng số tiền này là của bà”.*

Bút lục 62, 117 chị P khai: *“Bà H có nhờ chị mua ½ tầng 7 của dự án chung cư 181 Nguyễn Huy Tưởng; chị có nhận 850.000.000 đồng từ chị Minh (cháu bà H) và ký giấy biên nhận nhận số tiền 850.000.000 đồng. Chị không xem khi ký nhưng trong giấy có nội dung chị đã nhận 850.000.000 đồng và nếu không ký được hợp đồng cho bà H thì chị phải hoàn lại đủ tiền cho bà H”.*

Như vậy có đủ cơ sở xác định bà H và chị P có thỏa thuận một giao dịch dân sự theo đó bà H đưa cho chị P số tiền 850.000.000 đồng thì chị P sẽ mua cho bà H 03 căn (1/2 sàn tầng 7) với diện tích 310m² tại tòa B chung cư. Khi nhận tiền từ anh L, chị P có ký cam kết với anh L, nội dung:

- *Từ thời điểm ký bản cam kết cho đến khi đủ điều kiện ký hợp đồng mua bán căn hộ vào quý I năm 2010 thì anh Nguyễn Hoàng L không phải nộp thêm*

bất cứ một khoản tiền nào cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và thương mại Hạ Long.

- Nếu trong trường hợp đến hết quý I năm 2010 mà anh Nguyễn Hoàng L vẫn chưa được ký hợp đồng mua bán căn hộ trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần bất động sản Megastar thì chị Nguyễn Thị Lan P sẽ phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền là 850.000.000 đồng.

- Và vì trong bất cứ trường hợp nào mà anh Nguyễn Hoàng L cần lấy lại tiền không mua 03 căn hộ nói trên thì chị P vẫn trả lại đầy đủ số tiền đã nộp nói trên.

Như vậy, quá trình thực hiện giao dịch bà H đã thông qua anh L là con trai thực hiện giao dịch và trực tiếp chuyển tiền cho chị P. Đến năm 2012 việc mua chung cư vẫn chưa thực hiện được theo cam kết ngày 07/9/2009. Việc chị P ký Giấy vay tiền ngày 05/8/2012 và Giấy cam kết trả nợ ngày 01/11/2012 chỉ để xác nhận nghĩa vụ phải thực hiện theo Bản cam kết ngày 07/9/2009, đây không phải là khoản tiền vay mới.

Qua xác minh của Tòa án nhân dân quận A, tại địa chỉ 181, Nguyễn Huy Tưởng phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội có nhà kho của xí nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục thể thao Thăng Long đang hoạt động. Hiện nay không có dự án xây dựng nào ở đây. Tại phiên tòa sơ thẩm chị P cũng thừa nhận đến thời điểm hiện tại cũng chưa có khách hàng nào ký được hợp đồng mua căn hộ chung cư.

Bút lục 115 chị P khai: *“Số tiền 620.000.000đ là tiền chênh lệch trong việc mua chung cư. Tiền chênh lệch mà tôi nhận của chị Hường đưa cho tôi là tiền thỏa thuận giữa chị Hường và anh H (thông qua tôi, anh H thông báo số tiền chênh là bao nhiêu thì tôi báo lại cho chị Hường... họ đồng ý và giao tiền cho tôi thì anh H mới cho tiến hành giao dịch). Số tiền chênh này tôi chỉ biết là tôi đã chuyển cho anh H, còn ai là người được hưởng số tiền này thì tôi không biết, bản thân tôi không được hưởng bất kỳ khoản tiền nào trong số tiền trên”.*

Tại cấp sơ thẩm, chị P xuất trình bản photo văn bản chị P cho rằng đã chuyển toàn bộ số tiền 620.000.000 đồng cho anh Nguyễn Mạnh H. Hiện anh H đã chết, văn bản chị P xuất trình chỉ là bản photo, không được coi là tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có căn cứ xác định chị P đã chuyển số tiền 620.000.000 đồng cho anh H. Mặt khác tài liệu trong hồ sơ không thể hiện có bất kỳ giao dịch nào giữa bà H và anh H.

Như vậy, nếu anh L không ký được hợp đồng với chủ đầu tư thì chị P phải hoàn trả toàn bộ số tiền là 850.000.000 đồng như đã cam kết.

Quá trình giải quyết vụ kiện bà H và anh L khai số tiền 850.000.000 đồng giao cho chị P là tiền của bà H, sau thay đổi lời khai cho rằng trong số tiền này

có một phần nhỏ là tiền của anh L, đây là khoản tiền tiết kiệm của gia đình. Anh L cũng có đề nghị tòa án buộc chị P phải thanh toán cho bà H số tiền 620.000.000 đồng, hai mẹ con bà H không có mâu thuẫn về quyền lợi. Anh L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, đồng ý chuyển giao quyền yêu cầu cho bà H nên cấp sơ thẩm buộc chị P phải thanh toán số tiền 620.000.000 đồng cho mẹ con bà H là có căn cứ, anh L không phải khởi kiện chị P bằng vụ kiện dân sự khác như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày.

Để bảo vệ quyền về tài sản của mình bà H kiện đòi chị P trả lại số tiền đã nhận nên cần xác định quan hệ pháp luật là Đòi sản. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Yêu cầu trả lại tài sản theo giao dịch dân sự” là chưa chính xác cần sửa lại cho đúng.

Đối với số tiền 230.000.000 đồng bà H đã đến Công ty Hạ Long và đã lấy lại được số tiền 230.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu chị P phải thanh toán số tiền này.

Như trên đã phân tích, bà H kiện đòi 620.000.000 đồng đối với chị P trên cơ sở Bản cam kết ngày 07/9/2009. Đến hết quý I năm 2010 mẹ con bà H vẫn chưa được ký hợp đồng mua bán căn hộ trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần bất động sản Megastar nên thời hiệu khởi kiện được tính từ đầu quý II năm 2010. Ngày 13/01/2016 bà H khởi kiện chị P tại Tòa án nhân dân quận A. Từ thời điểm phát sinh tranh chấp đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện là quá 02 năm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là có căn cứ, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại phiên tòa ngày 27/9/2017, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Đến ngày 31/10/2017 mới tiếp tục xét xử là vi phạm thời hạn tạm ngừng phiên tòa, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định chị P đã thanh toán cho bà số tiền 5.000.000 đồng, nay bà chỉ yêu cầu chị P thanh toán cho hai mẹ con bà số tiền là 615.000.000 đồng nên cần sửa án sơ thẩm, buộc chị P thanh toán cho mẹ con bà H số tiền là 615.000.000 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản là không phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, cần sửa lại cho đúng.

Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn chị P không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại dự phí kháng cáo đã nộp.

- Án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định là 28.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên: Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 166, 351, 357, 365 Bộ luật dân sự 2015.

- Khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

- Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh H đối với chị Nguyễn Thị Lan P.

- Buộc chị Nguyễn Thị Lan P phải thanh toán cho bà Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Hoàng L số tiền 615.000.000 đồng.

Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan P không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0006414 ngày 10/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận A, thành phố Hà Nội.

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan P phải chịu 28.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận A;
- VKSND quận A;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh